

Lý thuyết Toán lớp 1: Bảng các số từ 1 đến 100

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

- Nhận biết được 100 là số liền sau của số 99.
- Đọc, viết, lập được bảng các số từ 0 đến 100.
- Nắm được một số đặc điểm của các số trong bảng.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1: Số 100

Số 100 là số lớn nhất trong dãy số từ 0 đến 100 và là số liền sau của số 99

Ví dụ: Số liền sau của số 99 là

Giải: Số liền sau của số 99 là số 100.

Dạng 2: Một số đặc điểm của các số trong bảng.

- Các số có một chữ số là các số trong phạm vi từ 0 đến 9.
- Các số tròn chục là: 10;20;30;40;50;60;70;80;90 và 100
- Số bé nhất có hai chữ số là 10, số lớn nhất có hai chữ số là số 99.
- Các số có hai chữ số giống nhau là số 11;22;33;44;55;66;77;88;99...

Ví dụ: Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là.....

Giải:

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90.

Số cần điền vào chỗ chấm là 90.

Dạng 3: Số liền trước, số liền sau của một số.

Số liền trước của một số là số đứng ngay phía trước của số đó khi đếm xuôi và có giá trị ít hơn số đó 1 đơn vị.

Số liền sau của một số là số đứng ngay phía sau của số đó khi đếm xuôi và có giá trị nhiều hơn số đó 1 đơn vị.

Ví dụ: Số liền sau của số 89 là

Giải:

Em đếm xuôi từ số 89, số liền sau của số này là số 90.